

Ngày 30 tháng 7... năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**

Mã chứng khoán: ACC

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã
Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3567.200

Fax: 0274.3567.201

Người thực hiện CBTT: Ông **Nguyễn Bảo Long** Chức vụ: **Người đại diện theo pháp luật**

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24 giờ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính Công ty mẹ ACC và Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày
30/7/2022 tại đường dẫn: www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CTY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



NGUYỄN BẢO LONG



“V/v Giải trình biến động lợi nhuận quý 2
năm 2022”

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Tên cơ sở kinh doanh : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC.**

Địa chỉ : Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Giấy phép đăng ký kinh doanh số : 3700926112, đăng ký thay đổi lần 9, ngày 24/02/2022.

Ngành nghề kinh doanh chính :

Xây dựng công trình công ích chi tiết ; Thi công, xây dựng các công trình xây công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; thi công xây dựng các công trình thủy lợi.

Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao chi tiết ; Sản xuất công bê tông cốt thép các loại ; Sản xuất bê tông nhựa nóng các loại ; Sản xuất bê tông xi măng các loại ; Sản xuất cấu kiện đúc sẵn ; Sản xuất gạch không nung.

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết ; Mua, bán công bê tông cốt thép các loại; Bê tông xi măng, nhựa nóng các loại; Cấu kiện đúc sẵn; Các loại vật liệu xây dựng; Các cấu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí.

Xây dựng nhà các loại chi tiết ; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ chi tiết ; Thi công, xây dựng các công trình giao thông.

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí chi tiết ; Thi công đặt hệ thống cấp, thoát nước, điều hòa không khí; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chi tiết ; Cho thuê xe, máy, thiết bị; Lắp đặt hệ thống điện.

Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại chi tiết ; Gia công cơ khí (trừ xi mạ, tráng phủ kim loại).

Sản xuất các cấu kiện kim loại chi tiết ; Sản xuất các cấu kiện kim loại.

Chuẩn bị mặt bằng chi tiết ; Sản lắp mặt bằng.



Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác chi tiết; Xây dựng nền móng ; Đóng cọc; Ép cọc.

Thi công cấu kiện đúc sẵn; Dịch vụ cầu lắp.

Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá chi tiết; Cắt và hoàn thiện đá xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân công vào đầu chi tiết; Mua, bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế).

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết; Mua, bán mặt hàng trang trí nội thất.

Mã số thuế : **3700926112**

Căn cứ thông tư số : 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2022, Công ty cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Bình Dương ACC xin giải trình việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 2/2022 so với quý 2/2021 như sau ;

Đvt: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Quý 2/2022 (1)	Quý 2/2021 (2)	Chênh lệch	
				(3)=(1)-(2)	% = (3)/(2)
I.	BCTC riêng				
1	Tổng doanh thu	163.393.107.010	137.676.984.381	25.716.122.629	19%
2	Lợi nhuận sau thuế	27.162.268.838	9.424.415.821	17.737.853.017	188%
II.	BCTC hợp nhất				
1	Tổng doanh thu	163.528.367.263	129.901.308.111	33.627.059.152	26%
2	Lợi nhuận sau thuế	26.861.158.531	10.363.894.534	16.497.263.997	159%

Tổng doanh thu quý 2/2022 tăng so với quý 2/2021. Do trong quý 2/2022, Công ty cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Bình Dương ACC có ghi nhận thêm khoản thu nhập từ hoạt động tài chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế quý 2/2022 cao hơn so với quý 2/2021.

Trên đây là báo cáo giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 2/2022 so với quý 2/2021.

Trân trọng !

Nơi nhận :

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
- Lưu



Nguyễn Thị Thùy Vân

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
BÌNH DƯƠNG ACC
MÃ CHỨNG KHOÁN: ACC**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

TRỤ SỞ CHÍNH:

- Trụ sở: Lô D_3_CN, Đường N7 – KCN Mỹ Phước – phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát – tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : 0274.3567200
- Fax : 0274.3567201
- Email : becamexacc@gmail.com
- Website : www.becamexacc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	2-5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	6-7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	8-9
5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10-32
6. Phụ lục	33-36

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.659.193.669.492	809.245.653.379
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	773.772.011.860	92.114.784.125
1. Tiền	111		8.772.011.860	20.114.784.125
2. Các khoản tương đương tiền	112		765.000.000.000	72.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		348.182.280.510	179.508.841.357
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	249.320.036.534	176.159.016.809
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	98.499.452.370	3.309.185.244
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	967.140.592	644.988.290
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(604.348.986)	(604.348.986)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	534.542.313.904	536.798.531.534
1. Hàng tồn kho	141		534.603.681.243	536.859.898.873
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(61.367.339)	(61.367.339)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.697.063.218	823.496.363
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2.591.822.826	764.632.693
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.376.722	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	58.863.670	58.863.670
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		367.527.446.475	366.317.372.222
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		255.000.000.000	255.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		155.000.000.000	155.000.000.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	100.000.000.000	100.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.246.855.015	20.720.342.432
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	14.085.132.729	12.411.481.363
- Nguyên giá	222		129.938.010.504	128.252.138.424
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.852.877.775)	(115.840.657.061)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	8.161.722.286	8.308.861.069
- Nguyên giá	228		13.538.067.330	13.538.067.330
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.376.345.044)	(5.229.206.261)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		72.214.351.200	72.214.351.200
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	73.681.851.200	73.681.851.200
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.11	(1.647.500.000)	(1.647.500.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		180.000.000	180.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.066.240.260	18.382.678.590
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	18.050.569.261	18.367.007.591
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	15.670.999	15.670.999
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.026.721.115.967	1.175.563.025.601

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		854.569.570.846	700.477.035.724
I. Nợ ngắn hạn	310		599.719.283.388	447.670.757.977
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	88.285.337.353	81.676.117.197
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	86.576.467.690	9.951.429.374
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	8.608.350.173	7.417.719.624
4. Phải trả người lao động	314	V.16	3.449.973.750	3.138.802.451
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	11.738.084.706	11.121.180.690
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	87.268.391.654	1.226.853.075
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	310.691.459.859	329.513.064.295
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20a	1.186.255.022	1.196.907.983
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1.914.963.181	2.428.683.288
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		254.850.287.458	252.806.277.747
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		246.122.445.207	242.055.273.973
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		80.333.411	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20b	8.647.508.840	10.751.003.774
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.172.151.545.121	475.085.989.877
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.172.151.545.121	475.085.989.877
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	1.049.999.930.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.049.999.930.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	(2.615.654.819)	1.344.945.181
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.22	9.055.511.950	9.055.511.950
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	56.310.978.987	56.310.978.987
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	50.665.294.677	99.100.899.151
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.510.277.992	61.495.853.072
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		38.155.016.685	37.605.046.079
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	8.735.484.326	9.273.654.608
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.026.721.115.967	1.175.563.025.601

Bình Dương, ngày 30 tháng 07 năm 2022


Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểu

Phạm Huy Hậu
Kê toán trưởngNguyễn Thị Thúy Vân
Phó Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	130.795.872.314	141.502.844.702	Lấy kể từ đầu năm Năm nay
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL2			196.186.654.919
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL3	130.795.872.314	141.502.844.702	196.186.654.919
4. Giá vốn hàng bán	11	VL3	117.407.254.765	117.049.392.761	157.177.499.125
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.388.617.549	24.453.451.941	39.009.155.794
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL4	27.714.472.318	7.111.432	17.944.919.527
7. Chi phí tài chính	22	VL5	5.818.816.771	5.657.707.083	10.452.808.319
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.818.816.771	4.993.124.557	9.002.420.322
8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24				-
9. Chi phí bán hàng	25	VL6	1.597.213.232	3.514.842.541	6.835.983.030
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL7	4.972.930.996	4.743.288.745	9.621.195.651
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.714.128.868	10.544.725.004	30.044.088.321
12. Thu nhập khác	31	VL8	5.018.022.631	2.178.983.046	2.178.988.861
13. Chi phí khác	32	VL9	92.347	3.709.561	3.710.372
14. Lợi nhuận khác	40		5.017.930.284	2.175.273.485	2.175.278.489
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.732.059.152	12.719.998.489	32.219.366.810
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	6.790.567.210	2.556.103.955	6.338.521.631
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	89.333.411		(157.161.094)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.861.158.531	10.363.894.534	26.038.606.275

19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	27.110.136.111	9.988.103.049	38.155.016.685	25.512.980.622
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(248.977.580)	375.791.485	(538.170.282)	525.025.651
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10	258	333	850
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL10			

Bình Dương, ngày 30 tháng 07 năm 2022.



Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểu

Phạm Huy Hậu

Phạm Huy Hậu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy Vân

Nguyễn Thị Thủy Vân
Phó Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D.3 CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		47.245.995.253	32.219.366.810
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	2.203.403.242	2.985.559.649
- Các khoản dự phòng	03	V.5, V.6, V.11, V.20	(1.712.480.842)	198.913.187
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(31.822.979.102)	(17.944.919.527)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	11.121.711.194	9.002.420.322
- Các khoản điều chỉnh khác	07			-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.035.649.745	26.461.340.441
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(168.854.154.103)	(41.767.893.292)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.262.636.808	(201.750.235.092)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		76.500.939.166	(32.918.237.331)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.026.564.570)	428.729.595
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(7.466.219.399)	(8.761.371.296)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(5.370.730.961)	(3.832.975.615)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(2.364.167.792)	(9.942.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(79.282.611.106)	(262.150.584.590)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.10, VII	(3.729.915.825)	(1.054.600.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.8, VI.8	54.932.807	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	31.764.704.859	19.936.919.527
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		28.089.721.841	18.882.319.527

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.22	749.999.930.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	227.280.977.286	201.476.350.319
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(244.424.740.286)	(137.279.468.158)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18, V.22	(6.050.000)	(173.476.400)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>732.850.117.000</i>	<i>64.023.405.761</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>681.657.227.735</i>	<i>(179.244.859.302)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>92.114.784.125</i>	<i>204.718.811.131</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>773.772.011.860</i>	<i>25.473.951.829</i>

Bình Dương, ngày 30 tháng 07 năm 2022

Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểuPhạm Huy Hậu
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thủy Vân
Phó Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 09 ngày 24/02/2022 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác nhận, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Vốn điều lệ: 1.049.999.930.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 104.999.993 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá	60%	60%	60%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 290 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 263 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.
- Các khoản đầu tư tài chính**
Các khoản đầu tư vào công ty con
Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí bản quyền phần mềm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bản quyền phần mềm

Chi phí phần mềm diệt virus Kaspersky được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Các chi phí trả trước dài hạn khác

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí thiết kế, thẩm định khuôn công cụ, sửa chữa hàng rào,... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 14
Máy móc và thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 08

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất (42 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao như sau:

<u>Loại phần mềm máy tính</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán doanh nghiệp	08
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05

Chi phí thiết kế sản phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu tiêu chuẩn kỹ thuật công để sản xuất sản phẩm công các loại. Chi phí này được khấu hao từ 02 đến 08 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình thi công, được lập cho từng công trình thi công có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 05% trên giá trị công trình thi công có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình thi công không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

21. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	221.900.655	610.049.682
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.461.327.205	19.504.734.443
Các khoản tương đương tiền	765.000.000.000	72.000.000.000
Cộng	773.683.227.860	92.114.784.125

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Các bên liên quan</i>	162.886.079.416	32.226.895.399
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	49.688.488.935	32.207.846.101
Công ty Cổ phần khoáng sản miền đông AHP	16.452.990.303	19.049.298
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hà Nội	96.744.600.178	-
<i>Các bên khác</i>	86.433.957.118	143.932.121.410
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	12.304.000.247	18.421.653.580
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	56.472.142.520	85.099.386.536
Công ty CP phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex – Bình Phước	-	24.524.396.090
Công ty TNHH MTV Hà Nhật Quang	2.948.117.120	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	14.709.697.231	15.886.685.204
Cộng	249.320.036.534	176.159.016.809

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Các bên liên quan</i>	91.114.043.438	1.640.363.634
Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Miền Đông AHP	91.114.043.438	1.640.363.634
<i>Các bên khác</i>	7.385.408.932	1.668.821.610
Công ty cổ phần xây dựng C BHI	5.258.143.743	-
Công ty TNHH Thiết kế và SX đá Hoàng Minh	800.000.000	-
Công ty TNHH Nhôm Kính Đông Phương	817.502.055	817.502.055
Các khoản trả trước cho người bán khác	509.763.134	851.319.555
Cộng	<u>98.499.452.370</u>	<u>3.309.185.244</u>

4. Trả trước cho người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Các bên liên quan</i>	155.000.000.000	155.000.000.000
Công ty CP kinh doanh và đầu tư Bình Dương(*)	155.000.000.000	155.000.000.000
<i>Các bên khác</i>	-	-
Cộng	<u>155.000.000.000</u>	<u>155.000.000.000</u>

(*) Khoản tiền ứng trước chi phí thi công theo biên bản làm việc số 01/2021/BBLV ngày 12/08/2021 giá trị 75.000.000.000 VND và biên bản làm việc số 02/2021/BBLV ngày 16/08/2021 giá trị 80.000.000.000 VND về việc thi công dự án nhà ở thương mại Định Hòa.

5. Phải thu khác**4a. Phải thu khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Các bên liên quan</i>	-	-
<i>Các bên khác</i>	967.140.592	644.988.290
Ký quỹ	3.344.000	11.744.000
Tạm ứng của nhân viên	555.160.988	361.717.655
Các khoản phải thu khác	408.635.604	271.526.635
Cộng	<u>967.140.592</u>	<u>644.988.290</u>

4b. Phải thu khác dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Các bên liên quan</i>	-	-
<i>Các bên khác</i>	100.000.000.000	100.000.000.000
Tổng công ty Đầu tư và phát triển công nghiệp – CTCP(*)	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	<u>100.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>

(*) Là khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 39/HĐKT/2021 ngày 15/04/2021 về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở thương mại tại Khu dân cư Ấp 5C, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tổng giá trị hợp đồng: 815.183.600.000 đồng (Tám trăm mười lăm tỷ, một trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Tân Hùng Phát	173.194.526	(173.194.526)	173.194.526	(173.194.526)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Lộc Hoàng Gia	95.089.291	(95.089.291)	95.089.291	(95.089.291)
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Cầu đường Trương Hoàng Long	189.298.335	(189.298.335)	189.298.335	(189.298.335)
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy Lợi Bình Dương	100.283.494	(110.283.494)	110.283.494	(110.283.494)
Các đối tượng khác	53.869.205	(46.483.340)	53.869.205	(46.483.340)
Cộng	611.734.851	(604.348.986)	611.734.851	(604.348.986)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	604.348.988	599.424.840
Trích lập dự phòng	-	4.924.146
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	604.348.988	604.348.988

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên vật liệu	9.390.893.190	-	9.509.871.530	-
Công cụ, dụng cụ	74.433.883	-	145.704.222	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	505.420.156.936	-	510.356.922.137	-
Thành phẩm	19.043.604.466	(61.367.339)	16.804.564.142	(61.367.339)
Hàng hóa	620.519.154	-	42.836.842	-
Hàng gửi đi bán	54.073.614	-	-	-
Cộng	534.603.681.243	(61.367.339)	536.859.898.873	(61.367.339)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án nhà ở thương mại Định Hòa	351.981.358.147	337.106.084.173
Chi phí sản xuất KD thành phẩm đá, cát	496.636.425	576.085.913
Chi phí sản xuất KD dở dang thi công	152.942.162.364	172.674.752.051
Cộng	505.420.156.936	510.356.922.137

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	449.087.515	543.198.158
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.142.735.311	221.434.535
Cộng	<u>2.591.822.826</u>	<u>764.632.693</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất	17.941.423.140	18.241.279.800
Công cụ, dụng cụ	81.034.999	89.950.007
Các khoản khác	28.111.122	35.777.784
Cộng	<u>18.050.569.261</u>	<u>18.367.007.591</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	18.997.549.267	74.151.590.991	33.932.282.827	826.949.158	343.766.181	128.252.138.424
Mua sắm mới	-	2.602.693.603	1.127.222.222	-	-	3.729.915.825
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.044.043.745)	-	-	(2.044.043.745)
Số cuối kỳ	<u>18.997.549.267</u>	<u>76.754.284.594</u>	<u>33.015.461.304</u>	<u>826.949.158</u>	<u>343.766.181</u>	<u>129.938.010.504</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	18.265.032.995	68.479.837.920	27.925.070.807	826.949.158	343.766.181	115.840.657.061
Khấu hao trong kỳ	151.974.920	966.692.119	937.597.420	-	-	2.056.264.459
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.044.043.745)	-	-	(2.044.043.745)
Số cuối kỳ	<u>18.417.007.915</u>	<u>69.446.530.039</u>	<u>26.818.624.482</u>	<u>826.949.158</u>	<u>343.766.181</u>	<u>115.852.877.775</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	732.516.272	5.671.753.071	6.007.212.020	-	-	12.411.481.363
Số cuối kỳ	<u>580.541.352</u>	<u>7.307.754.555</u>	<u>6.196.836.822</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>14.085.132.729</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chi phí thiết kế sản phẩm</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	11.769.135.713	1.055.071.817	713.859.800	13.538.067.330
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>11.769.135.713</u>	<u>1.055.071.817</u>	<u>713.859.800</u>	<u>13.538.067.330</u>
<i>Trong đó:</i>				
Chưa sử dụng:	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chi phí thiết kế sản phẩm	Phần mềm máy tính	Cộng
Chờ thanh lý :				
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.499.383.033	1.037.195.510	692.627.718	5.229.206.261
Khấu hao trong kỳ	123.429.144	17.876.307	5.833.332	147.138.783
Số cuối kỳ	3.622.812.177	1.055.071.817	698.461.050	5.376.345.044
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.269.752.680	17.876.307	21.232.082	8.308.861.069
Số cuối kỳ	8.146.323.536	-	15.398.750	8.161.722.286
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

11. Đầu tư tài chính dài hạn

11.a - Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Giá trị hợp lý	Số đầu năm		Giá trị hợp lý
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	73.681.851.200	-	73.681.851.200	(1.647.500.000)	-	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	47.134.351.200	-	47.134.351.200	-	-92.727.720.000	
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	24.900.000.000	-	24.900.000.000	-	-	
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	1.647.500.000	(1.647.500.000)	1.647.500.000	(1.647.500.000)	-	
Cộng	73.681.851.200	(1.647.500.000)	73.681.851.200	(1.647.500.000)	92.727.720.000	

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Số lượng CP	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ biểu quyết %	Số lượng CP	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ biểu quyết %
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	4.479.600	4,3%	4,3%	4.479.600	14,93%	14,93%
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	2.490.000	12,45%	12,45%	2.490.000	12,45%	12,45%
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	85.670	10,98%	10,98%	85.670	10,98%	10,98%

11.b - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
--	------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>Ngắn hạn</i>	-	-	-	-
<i>Dài hạn</i>	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Trái phiếu(*)	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Cộng	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000

(*) Là khoản đầu tư trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành;

Thời điểm phát hành: 27/09/2019; kỳ hạn gốc: 120 tháng;

Số lượng trái phiếu: 18 trái phiếu (Mệnh giá: 10.000.000 đồng);

Lãi suất: Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	147.353.815	214.264.746
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	147.353.815	89.172.000
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Miền Đông AHP	-	125.092.746
<i>Phải trả các bên khác</i>	88.137.983.538	81.461.852.451
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dầu Khí	13.942.438.060	14.191.211.600
Công Ty TNHH Cung Ứng Nhựa Đường	9.241.633.950	9.311.731.300
Công ty TNHH TM DV Vận tải Mai Thành	-	5.077.606.925
Công ty TNHH MTV Hà Nhật Quang	-	2.805.158.829
Công ty TNHH ĐT - XD - TM Minh Đức Trung	-	4.714.916.288
Công ty TNHH MTV Phụng Tân Tiến	-	1.342.177.734
Phải trả các đối tượng khác	64.953.911.528	44.019.049.775
Cộng	88.285.337.353	81.676.117.197

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	-	9.538.756.336
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Miền Đông AHP	-	9.538.756.336
<i>Trả trước của người mua khác</i>	86.576.467.690	412.673.038
Công ty CP phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex Bình Phước	85.115.339.525	-
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng và Công Nghệ Môi Trường Dương Nhật	496.416.600	-
Các khách hàng khác	964.711.565	412.673.038
Cộng	86.576.467.690	9.951.429.374

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí dịch vụ	352.666.139	1.248.203.136
Chi phí lương bổ sung	1.384.435.632	-
Chi phí quà tặng tri ân khách hàng	250.000.002	397.375.550
Chi phí thi công	1.088.355.084	-
Trích trước chi phí lãi vay	8.655.307.393	9.130.318.936
Các chi phí phải trả khác	7.320.456	345.283.068
Cộng	<u>11.738.084.706</u>	<u>11.121.180.690</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các bên khác</i>	87.268.391.654	1.226.853.075
Kinh phí công đoàn,	65.868.364	69.699.124
Bảo hiểm xã hội	-	4.044.713
Bảo hiểm y tế	-	555.591
Bảo hiểm thất nghiệp	-	370.394
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	390.522.772	368.209.116
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	84.024.257.400	30.313.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.787.743.118	753.661.137
Cộng	<u>87.268.391.654</u>	<u>1.226.853.075</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn**16a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng bảo hành công trình thi công. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.196.907.983	1.042.760.347
Tăng do trích lập	489.877.618	299.314.023
Số hoàn nhập	(500.530.579)	(145.166.387)
Số cuối kỳ	<u>1.186.255.022</u>	<u>1.196.907.983</u>

16b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng bảo hành công trình thi công. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	10.751.003.774	13.735.835.033
Tăng do trích lập	2.418.942.693	-
Số hoàn nhập	(4.522.437.627)	(2.984.831.259)
Số cuối kỳ	<u>8.647.508.840</u>	<u>10.751.003.774</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	Số phải thu	Số phải nộp			
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	4.724.356.718	4.267.717.813	7.311.890.058	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.863.670	2.612.482.732	9.660.234.617	5.370.730.961	6.901.986.388
Thuế thu nhập cá nhân	-	80.880.174	715.282.615	769.983.477	26.179.312
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	58.863.670	7.417.719.624	14.649.235.045	13.458.604.496	8.608.350.173

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%. Từ ngày 01/02/2022 công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo Nghị định 15/2022/NĐ – CP ban hành ngày 28/01/2022.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

18. Vay và nợ thuê tài chính**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát Triển VN - Chi nhánh Tây Hồ</i>	133.744.070.410	112.523.903.610
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai</i>	106.492.044.619	137.284.726.078
<i>Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – CN Bình Dương</i>	67.325.984.830	77.282.274.607
<i>Ngân hàng CSXH – PGD Thị xã Bến Cát</i>	3.102.840.000	2.395.640.000
<i>Ngân hàng CSXH – PGD Huyện Phú Giáo</i>	26.520.000	26.520.000
Cộng	<u>310.691.459.859</u>	<u>329.513.064.295</u>

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát Triển VN - Chi nhánh Tây Hồ, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai và Ngân hàng TMCP.Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – CN Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số 9).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	329.513.064.295	244.809.189.776
Số tiền vay phát sinh	225.490.635.850	201.476.350.319
Số tiền vay đã trả	244.312.240.286	137.279.468.158
Số cuối kỳ	<u>310.691.459.859</u>	<u>309.006.071.937</u>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn	1.674.500.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai</i>	1.674.500.000	-
Trái phiếu phát hành	243.245.000.002	242.055.273.973
Mệnh giá :	250.000.000.000	250.000.000.000
- Công ty CP chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	214.486.000.000	214.486.000.000
- Phạm Thanh Thủy	30.000.000.000	30.000.000.000
<i>Các cá nhân khác</i>	5.514.000.000	5.514.000.000
Chi phí phát hành	(5.552.054.793)	(7.944.726.027)
Cộng	<u>246.122.445.207</u>	<u>242.055.273.973</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Mã trái phiếu: ACCH2123001;
- Bên mua trái phiếu: Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các cá nhân;
- Mục đích phát hành: Đầu tư xây dựng dự án Bất động sản;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.500.000 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/trái phiếu;
- Tổng chi phí phát hành: 9.650.000.000 VND;
- Lãi suất: 10,2%/năm, lãi được trả 06 tháng/lần;
- Thời điểm phát hành: 25/08/2021. Kỳ hạn gốc: 2 năm. Kỳ hạn còn lại: 20 tháng;
- Biện pháp bảo đảm: Quyền sử dụng đất tại Bình Dương và Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC và các tổ chức, cá nhân khác.

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Đầu Tư Bình Dương	261.450.000.000	74.700.000.000
Ông Hoàng Xuân Quang	253.400.000.000	72.400.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	248.503.920.000	71.001.120.000
Pyn Elite Fund (Non-Ucits)	81.812.500.000	29.976.000.000
Các cổ đông khác	204.833.510.000	51.922.880.000
Cộng	1.049.999.930.000	300.000.000.000

19c. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	104.999.930	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	104.999.930	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	104.999.930	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	104.999.930	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	104.999.930	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	9.679.484.246	33.203.674.081
Doanh thu thi công công trình	101.695.668.404	99.728.963.675
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	19.420.719.664	8.570.206.946
Cộng	130.795.872.314	141.502.844.702

Doanh thu với các bên liên quan

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Kinh Doanh và Đầu Tư Bình Dương	17.344.472.531	17.377.626.461
Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Miền Đông AHP	6.899.373.651	1.755.997.613
Công ty CP Đầu tư và xây dựng Hà Nội	44.362.744.947	-
Cộng	68.606.591.129	19.133.624.074

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	6.515.525.094	23.550.952.858
Giá vốn của thi công công trình	93.048.788.334	86.351.370.029
Giá vốn của dịch vụ, hàng hóa đã cung cấp	17.842.941.337	7.147.069.874
Cộng	117.407.254.765	117.049.392.761

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	7.556.272.318	7.111.432
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Nhượng quyền mua cổ phiếu Công Ty CP Khoáng Sản Miền Đông AHP	20.158.200.000	-
Cộng	27.714.472.318	2.246.911.432

4. Chi phí tài chính

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	5.818.816.771	4.993.124.557
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	-	664.582.526
Cộng	5.818.816.771	5.657.707.083

5. Chi phí bán hàng

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	564.221.199	597.639.866
Chi phí vật liệu, bao bì	22.623.878	35.353.712
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	208.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	41.169.885

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vận chuyển	-	18.537.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	958.997.493	2.817573.668
Các chi phí khác	51.370.662	4.360.000
Cộng	<u>1.597.213.232</u>	<u>3.514.842.541</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý 2	Năm trước
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.000.610.339	3.055.959.875
Chi phí vật liệu quản lý	39.571.018	104.147.745
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.325.238	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.470.244	184.107.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.158.490.990	1.142.229.827
Các chi phí khác	638.463.167	256.843.637
Cộng	<u>4.972.930.996</u>	<u>4.743.288.745</u>
7. Thu nhập khác		
	Quý 2	Năm trước
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	54.932.807	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	4.929.487.374	2.178.982.059
Thu nhập khác	33.602.450	987
Cộng	<u>5.018.022.631</u>	<u>2.178.983.046</u>
8. Chi phí khác		
	Quý 2	Năm trước
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Chi phí khác	92.347	3.709.561
Cộng	<u>92.347</u>	<u>3.709.561</u>
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
	Quý 2	Năm trước
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty mẹ	6.790.567.210	2.356.103.955
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>6.790.567.210</u>	<u>2.356.103.955</u>
10. Lãi trên cổ phiếu		
	Quý 2	Năm trước
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	27.110.136.111	10.363.894.534
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành b/q trong kỳ	104.999.993	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>258</u>	<u>345</u>
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Quý 2	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.793.430.992	102.498.939.485
Chi phí nhân công	12.834.616.623	12.296.076.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.393.622.311	1.469.861.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.490.018.476	51.662.631.557
Chi phí khác	740.088.909	470.409.100
Cộng	101.251.777.311	168.397.918.041

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có khoản công nợ nào liên quan đến mua sắm tài sản cố định.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thông tin về tiền lương, tiền thưởng và tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong kỳ

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm nay	Quý 2 Năm trước
Tiền lương		904.614.362	924.750.397
Hội đồng quản trị		240.892.685	266.379.662
Phạm Xuân Phương	Chủ tịch HĐQT	-	45.000.000
Nguyễn Bảo Long	Chủ tịch HĐQT	135.000.000	90.000.000
Nguyễn xuân Cường	Trợ Lý HĐQT	105.892.685	106.952.000
Trương Văn Thân	Trợ Lý HĐQT	-	24.427.662
Ban tổng giám đốc		651.712.679	624.331.270
Ngô Anh Quân	Tổng Giám Đốc	120.000.000	80.000.000
Nguyễn Thị Thúy Vân	Phó Tổng Giám đốc	105.851.885	106.974.000
Phạm Hữu Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	105.000.000	105.000.000
Lê Hùng Lam	Phó Tổng Giám đốc	105.298.512	106.974.000
Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	4.538.897	38.661.932

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

		Năm nay	Năm trước
Nguyễn Đức Thuận	Phó Tổng Giám đốc	105.277.985	106.974.000
Hoàng Xuân Quang	Tổng Giám Đốc	105.754.400	79.747.338
Tiền thưởng		-	-
Hội đồng quản trị		-	-
Ban tổng giám đốc		-	-
Thủ lao		-	-
Hội đồng quản trị		-	-
Ban tổng giám đốc		-	-
Cộng		904.614.362	624.750.397

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Hà Nội

Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Đầu Tư Bình Dương

Công ty Cổ phần Khoáng Sản Miền Đông AHP

Ông Hoàng Xuân Quang

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Công ty con

Đỗ Mạnh Cường là Chủ tịch HĐQT

Cổ đông lớn

Cùng người đại diện theo pháp luật

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm: sản xuất và kinh doanh ống cống thoát nước các loại.
- Lĩnh vực thi công công trình: trải thảm nhựa đường, thi công thấm bê tông xi măng, thi công sơn đường và lắp đặt cống.
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bình Dương, ngày 30 tháng 07 năm 2022

Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểu

Phạm Huy Hậu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Vân
P. Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư 01/01/2021	300.000.000.000	1.344.945.181	9.055.511.950	62.760.793.287	99.769.035.810	33.796.289.172	506.726.575.400	
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	25.512.980.622	525.025.651	26.038.006.273	
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(15.000.000.000)	-	(15.000.000.000)	
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	(3.045.565.294)	-	(3.045.565.294)	
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-	-	(785.805.471)	-	(785.805.471)	
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-	
Ảnh hưởng thoái vốn AHP	-	-	-	(6.449.814.300)	(19.441.811.973)	(25.414.990.737)	(51.306.617.010)	
Số dư 30/06/2021	300.000.000.000	1.344.945.181	9.055.511.950	56.310.978.987	87.008.833.694	8.906.324.086	462.626.593.898	
Số dư 01/01/2022	300.000.000.000	1.344.945.181	9.055.511.950	56.310.978.987	99.100.899.151	9.273.654.608	475.085.989.877	
Tăng vốn trong năm	749.999.930.000	(3.960.600.000)	0	0	0	0	746.039.330.000	
Lợi nhuận trong kỳ	0	0	0	0	38.155.016.685	(538.170.282)	37.616.846.403	
Chia cổ tức trong kỳ	0	0	0	0	(83.999.994.400)	0	(83.999.994.400)	
Trích lập các quỹ trong kỳ	0	0	0	0	(1.850.447.685)	0	(1.850.447.685)	
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát	0	0	0	0	(740.179.074)	0	(740.179.074)	
Số dư 30/06/2022	1.049.999.930.000	(2.615.654.819)	9.055.511.950	56.310.978.987	50.665.294.677	8.735.484.326	1.172.151.545.121	

Bình Dương, ngày 30 tháng 07 năm 2022



Nguyễn Thị Thủy Vân
Phó Tổng Giám Đốc

Phạm Huy Hậu

Phạm Huy Hậu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

		Đơn vị tính: VND					
Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:		Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Lĩnh vực sản xuất đá	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này		10.319.945.178	101.695.668.404	19.420.719.664	-	-	131.436.333.246
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		(50.722.740)		(589.738.192)		(640.460.932)	(640.460.932)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận		10.269.222.438	101.695.668.404	18.830.981.472	-	(640.460.932)	130.795.872.314
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.113.236.412	8.646.880.070	988.040.135	-	-	13.388.617.549
Kết quả kinh doanh theo bộ phận							(6.570.144.228)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							6.818.473.321
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							27.714.472.318
Doanh thu hoạt động tài chính							(5.818.816.771)
Chi phí tài chính							5.018.022.631
Thu nhập khác							(92.347)
Chi phí khác							(6.790.567.210)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(80.333.411)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							26.861.158.531
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		155.000.000					155.000.000
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn		564.534.859	621.625.477				1.186.160.336
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)							

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Kỳ trước	Lĩnh vực kinh doanh thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Lĩnh vực sản xuất đá	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	33.203.674.081	99.728.963.675	8.570.206.946	-	-	141.502.844.702
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	811.697.160	-	-	-	(608.857.740)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.015.371.241	99.728.963.675	8.570.206.946	-	(608.857.740)	54.540.581.525
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	9.652.721.223	13.377.593.646	1.423.137.072	-	-	24.453.451.941
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	(8.238.131.286)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	16.195.320.655
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	7.111.432
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(5.657.707.083)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	2.178.983.046
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	(3.709.561)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	(2.356.103.955)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	10.363.894.534
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	1.054.600.000	-	-	-	1.054.600.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	898.307.133	711.765.129	-	-	-	1.610.072.262
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Lĩnh vực sản xuất đá	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	56.039.606.504	473.942.941.218	18.558.626.735	-	-	548.541.174.457
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						1.478.179.941.510
Tổng tài sản						2.026.721.115.967
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.838.842.396	152.861.555.522	15.810.959		(704.507.025)	158.011.701.852
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						696.557.868.994
Tổng nợ phải trả						854.569.570.846
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	50.240.283.025	353.573.146.212	3.565.068.373			407.378.497.610
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						768.184.527.991
Tổng tài sản						1.175.563.025.601
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.562.725.812	72.238.131.337			(1.054.356.030)	73.746.501.119
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						626.730.534.605
Tổng nợ phải trả						700.477.035.724

Bình Dương, ngày 30 tháng 07 năm 2022



Nguyễn Thị Thủy Vân
Phó Tổng Giám Đốc

Phạm Huy Hậu
Phạm Huy Hậu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thủy
Người lập

